TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-10-2019
V/v: Ly hôn, trA chấp về nuôi con

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;

2. Ông Huỳnh Văn Diên.

- ***Th ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Th ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, về việc: Ly hôn, trA chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-8-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17-9-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng A Th, sinh năm 1997; địa chỉ Thờng trú: 268B T, xã R, huyện C, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Nhà trọ R, tổ 2, đường 38, ấp P, xã C, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1994; địa chỉ Thường trú: 134 ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ R, tổ 2, đường 38, ấp P, xã C, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-3-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng A Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu nhau và kết hôn. Ông bà đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân

xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2016, ngày 10-3-2016.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó Thờng xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và Thờng xuyên cãi vã nhau các vấn đề trong gia đình. Từ khi sinh con đến nay một mình bà Th chăm sóc con, ông V không quan tâm, không lo làm ăn tụ tập bạn bè đánh bài. Bà Th đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông V vẫn không nghe. Vì muốn có cuộc sống gia đình hạnh phúc, con còn nhỏ cần được sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên bà Th đã nhiều lần cố gắng hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Vợ chồng không thể sống chung với nhau được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Bà Th và ông V có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 28-3-2017, hiện tại do bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Bản sao giấy khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Minh A;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Hồng A Th và đơn xác nhận tạm trú của bà Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 28-6-2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã TU, tỉnh Bình Dương như sau: Địa phương không biết nguyên nhân dẫn tới trA chấp về ly hôn và trA chấp về nuôi con giữa bà Th và ông V vì địa phương không nhận được tin báo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội dung: Bà Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2016, ngày 10-3-2016. Nguyên nhân bà Th yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã

sống ly thân nên bà Th yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Bà Th yêu cầu được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật; về tài sản chung, nợ chung bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

[1]. Bà Nguyễn Hồng A Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và trA chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông V đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Tổ 2, đường 38, ấp P, xã C, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28-6-2019 và 22-7-2019 nhưng ông V vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn V tham gia phiên tòa ngày 17-9-2019 nhưng ông V vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập ông V tham gia phiên tòa vào ngày 04-10-2019 nhưng ông V vắng mặt không có lý do là ông V đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Bà Nguyễn Hồng A Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bà Th và ông V theo quy định tại Điều 227,228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu để tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2016, ngày 10-3-2016, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy ông V hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét, mâu thuẫn giữa bà Th và ông V đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Hồng A Th yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi*

phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[4]. Về con chung: Bà Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V có con chung tên Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 28-3-2017. Khi ly hôn, bà Nguyễn Hồng A Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và hiện tại cháu A đang sống chung với bà Th, đồng thời không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*" nên Tòa án chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228,238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng A Th về việc "Ly hôn và trA chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Văn V như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng A Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 28-3-2017 cho bà Nguyễn Hồng A Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông V được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp

ông V lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng A Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014995, ngày 26-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Hồng A Th và ông Nguyễn Văn V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Võ Thành Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Lượng **Huỳnh Văn Diên** **Võ Thành Hiệp**